

PHÒNG THI N1_A701

Ngoại ngữ (Anh văn)

Môn thi: Nói

Điểm thi: Trường Đại học Luật Hà Nội

Ngày thi:

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký tên
Ca thi từ 07h30' đến 08h30'					
1	LTCQ0101	Lê Tuấn Anh	15/10/1993		
2	LTCQ0102	Nguyễn Duy Anh	06/07/1994		
3	404026	Nguyễn Mạnh Hải Anh	29/01/1997		
4	404020	Nguyễn Quang Anh	25/01/1997		
5	403911	Nguyễn Ngọc Ánh	30/04/1997		
6	401545	Võ Khánh Bách	28/08/1997		
7	LTCQ0103	Nguyễn Đình Bầy	18/10/1988		
8	403203	Lương Thị Bền	02/03/1997		
9	404002	Đào Tường Chi	11/09/1997		
10	401571	Lương Hoàng Thảo Chi	02/07/1996		
11	403809	Đoàn Thị Hồng Chinh	29/08/1996		
12	400855	Nguyễn Đức Công	15/11/1997		
13	390135	Ngô Tuấn Đạt	30/10/1995		
14	401403	Nguyễn Cao Đạt	25/01/1997		
15	403614	Nguyễn Hữu Đạt	14/10/1997		
16	401311	Nguyễn Anh Đức	03/05/1997		
17	402116	Trần Văn Đức	11/06/1997		
18	402952	Phạm Thùy Dung	16/09/1996		
19	401061	Triệu Thị Kim Dung	11/09/1997		
20	402151	Đào Anh Dũng	03/04/1996		
21	401467	Nguyễn Anh Dũng	12/07/1995		
22	403428	Chu Thuỳ Dương	08/08/1997		
23	403205	Hoàng Đức Duy	21/09/1997		
24	LTCQ0107	Vi Đức Duy	05/11/1995		
25	LTCQ0110	Y Ci Êban	07/11/1996		
26	401406	Đào Thị Giang	03/10/1997		
27	380947	Phạm Thanh Giang	05/09/1995		
28	404047	Vũ Thị Hương Giang	01/03/1997		
29	400967	Trần Thị Thu Hà	20/06/1997		
30	403953	Nguyễn Minh Hằng	24/02/1997		
31	403939	Trịnh Thị Hằng	12/02/1997		
32	401826	Ngô Thị Nhật Hạnh	01/03/1997		
33	400742	Nguyễn Hồng Hạnh	10/11/1997		
34	404003	Nguyễn Hồng Hạnh	25/03/1997		
35	401825	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	31/08/1997		
36	400762	Phạm Thị Hạnh	18/02/1997		
37	402452	Phạm Thu Hào			
38	LTCQ0112	Nguyễn Thị Hậu	20/05/1994		
39	401911	Nguyễn Thị Hiền	09/01/1997		

<i>TT</i>	<i>Mã sinh viên</i>	<i>Họ và tên</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Mã đề thi</i>	<i>Ký tên</i>
40	402662	Đỗ Thị	Hoa	16/04/1997		
41	LTCQ0114	Lò Mai	Hoa	10/12/1996		
42	401126	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	09/01/1997		
43	401252	Lao Thị Hồng	Hoài	10/12/1997		
44	402571	Lục Minh	Hoài	18/06/1996		
45	LTCQ0115	Trần Xuân	Hoàn	07/02/1995		
Ca thi từ 08h30' đến 09h30'						
46	400110	Long Thị	Hồng	12/09/1997		
47	400470	Lăng Thị Minh	Huệ	27/05/1996		
48	LTCQ0120	Nguyễn Duy	Hùng	23/01/1994		
49	LTCQ0119	Nguyễn Phi	Hùng	15/03/1995		
50	400407	Nguyễn Văn	Hùng	04/01/1996		
51	400940	Hoàng Thị Minh	Hương	14/12/1997		
52	401838	Nguyễn Hoa Quỳnh	Hương	07/11/1997		
53	403208	Nguyễn Lan	Hương	16/02/1997		
54	402808	Nguyễn Thị	Hương	24/11/1997		
55	402736	Phạm Thị Lan	Hương	10/10/1997		
56	404008	Trần Thị Thu	Hương	12/04/1997		
57	400857	Triệu Thị	Hương	14/11/1996		
58	402421	Vũ Thanh	Hương	02/05/1997		
59	403902	Nhữ Thị Thu	Hường	24/09/1997		
60	404004	Vũ Minh	Hường	14/09/1997		
61	400770	Nguyễn Duy	Hưởng	03/09/1996		
62	402737	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	11/12/1997		
63	401839	Phạm Thị Ngọc	Huyền	01/10/1996		
64	403906	Nguyễn Minh	Khanh	24/07/1997		
65	400662	Nguyễn Quỳnh	Lâm	03/04/1997		
66	400747	Nguyễn Ngọc	Lan	03/08/1996		
67	404058	Nguyễn Thị	Lệ	10/04/1996		
68	403801	Bùi Diệu	Linh	25/09/1997		
69	LTCQ0130	Lý Diệu	Linh	13/09/1996		
70	404050	Nguyễn Hà	Linh	24/04/1997		
71	400652	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	13/01/1997		
72	400643	Trần Thị Mỹ	Linh	19/10/1996		
73	402055	Hoàng Thị	Lực	22/06/1997		
74	402101	Nguyễn Thị Khánh	Ly	11/10/1997		
75	401172	Vi Thị Thảo	Ly	19/11/1996		
76	403047	Hà Thị Ngọc	Mai	03/08/1997		
77	403325	Nông Ngọc	Mai	24/11/1997		
78	402555	Triệu Tồn	Man	25/09/1997		
79	402012	Nguyễn Văn	Mạnh	05/07/1997		
80	401147	Lô Thị ánh	Minh	12/07/1997		
81	401827	Trần Lê	Minh	17/06/1997		
82	402067	Vàng A	Mú	23/04/1994		
83	402302	Nguyễn Văn	Mười	19/05/1996		
84	404054	Trần Tú	Mỹ	10/10/1997		
85	LTCQ0134	Ngô Khánh	Nam	04/06/1995		

<i>TT</i>	<i>Mã sinh viên</i>	<i>Họ và tên</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Mã đề thi</i>	<i>Ký tên</i>
86	402173	Nông Văn	Nam	12/08/1996		
87	390339	Phạm Thị	Nam	15/08/1995		
88	403218	Hà Thị	Nga	10/11/1997		
89	402440	Vi Thị Kim	Ngân	30/04/1997		
90	402203	Hoàng Hồng	Ngọc	05/10/1997		
Ca thi từ 09h30' đến 10h30'						
91	404027	Nguyễn Bích	Ngọc	18/01/1997		
92	404055	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	07/09/1997		
93	381758	Hoàng Thị	Nguyệt	04/04/1994		
94	403944	Đặng Thị	Nhung	11/05/1997		
95	400529	Hoàng Chi	Phương	10/01/1997		
96	403261	Hoàng Thị	Phương	18/01/1997		
97	403118	Hà Thị Diễm	Quỳnh	13/10/1997		
98	390615	Lê Thị	Quỳnh	15/01/1996		
99	402855	Nguyễn Thị	Quỳnh	18/06/1997		
100	400949	Hoàng Thị	Sa	04/02/1997		
101	400416	Hờ A	Sánh	06/03/1996		
102	400546	Dương Hồng	Sơn	18/02/1997		
103	LTCQ0142	Nông Công	Tân	30/10/1995		
104	404049	Đậu Phương	Thảo	17/09/1997		
105	401302	Hoàng Thị	Thảo	31/05/1997		
106	402103	Lê Thị Thu	Thảo	11/06/1997		
107	401266	Lục Thanh	Thảo	13/12/1996		
108	403054	Nguyễn Phương	Thảo	09/09/1997		
109	404033	Nguyễn Phương	Thảo	30/01/1997		
110	401563	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/10/1997		
111	401207	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/01/1997		
112	400850	Nguyễn Thị Hà	Thương	03/01/1996		
113	400931	Chu Thị Phương	Thùy	25/05/1997		
114	403945	Nguyễn Thị	Thủy	19/12/1997		
115	400754	Lò Thị	Tiêm	29/10/1997		
116	402913	Vũ Thuỷ	Tiên	19/09/1997		
117	361663	Dư Minh	Tiến	26/10/1993		
118	LTCQ0148	Trịnh Ngọc	Toàn	02/08/1992		
119	403656	Hoàng Thị	Trang	08/06/1995		
120	403951	Khổng Thu	Trang	07/01/1997		
121	402850	Lạng Thị	Trang	09/04/1997		
122	402136	Phạm Thị	Trang	04/06/1997		
123	LTCQ0149	Vàng Seo	Trinh	16/05/1996		
124	402817	Bùi Anh	Tuấn	05/03/1997		
125	402906	Lê Hồng	Tuấn	01/01/1997		
126	401427	Nguyễn Quang	Tùng	19/11/1997		
127	401961	Sầm Thị	Tuyền	30/08/1997		
128	403905	Đặng Thu	Uyên	15/06/1997		
129	400730	Nguyễn Thị Tú	Uyên	21/01/1997		
130	403933	Trương Thị	Vi	13/10/1997		
131	400113	Hoàng Thanh	Xuân	30/08/1997		

<i>TT</i>	<i>Mã sinh viên</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Mã đề thi</i>	<i>Ký tên</i>
132	402671	Hoàng Thị Xuân	04/01/1996		
133	402852	Vũ Thị Thanh Xuân	07/08/1997		
134	401330	Trần Thị Hải Yến	01/03/1997		

Tổng số: Thí sinh Số thi sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các mã sinh viên vắng thi:

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI CĐRNN

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai